

Bản án số: **38/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 04 - 3 - 2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông Lê Quang Luân.
 - Ông Nguyễn Duy Sự.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 352/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị N, sinh năm 1997.
- **Bị đơn:** Anh Sầm Văn N, sinh năm 1995.

Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lương Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sầm Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014 tại UBND xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau và không có tiếng nói chung. Thực tế chị và anh N đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân chị và anh N không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh N đã quá

căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn N theo quy định.

- Về con chung: Chị và anh Sầm Văn N có 01 con chung là cháu Sầm Lương Gia B, sinh ngày 14/11/2014. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sầm Lương Gia B đến khi trưởng thành và chị không yêu cầu anh Sầm Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Chị và anh Sầm Văn N không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Lương Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Chị N giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

**** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Sầm Văn N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị N kết hôn với nhau ngày 09/12/2014 tại UBND xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn chung sống bình thường, thời gian gần đây Chị N có đi làm ăn ở tỉnh Yên Bái vợ chồng vẫn nói chuyện với nhau. Trong lúc đi làm xa nhau vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng mâu thuẫn không đến mức quá trầm trọng, căng thẳng. Quá trình giải quyết vụ án, anh N xác định vẫn còn tình cảm với chị N, Chị N xin ly hôn anh không nhất trí, anh đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ. Tại phiên tòa anh N xác định không còn tình cảm với Chị N, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị N đề nghị xin ly hôn anh nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị N theo quy định.

- Về con chung: Anh và chị Lương Thị N có 01 con chung là cháu Sầm Lương Gia B, sinh ngày 14/11/2014. Ly hôn anh nhất trí để Chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sầm Lương Gia B đến khi trưởng thành và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị N.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Anh và chị Lương Thị N không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Sầm Lương Gia B, sinh ngày 14/11/2014 (là con chung của chị Lương Thị N và anh Sầm Văn N): Cháu B trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là chị Lương Thị N. Cháu tự nguyện ở với mẹ đẻ của cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn L, xã B và Công an xã B, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay anh Sầm Văn N là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và thường xuyên sinh sống tại đây. Chị N và anh N được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014

và có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2014 tại UBND xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn L, xã B, huyện H. Cách đây khoảng 5 đến 6 năm nay thì vợ chồng cùng đi làm ăn xa sau đó phát sinh mâu thuẫn từ trước tết nguyên đán năm 2025 Chị N không về chung sống cùng anh N nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Thực tế Chị N và anh N đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau nữa.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Lương Thị N cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Căn cước công dân mang tên Lương Thị N (bản sao chứng thực); 01 Giấy khai sinh mang tên Sầm Lương Gia B (bản sao chứng thực); 01 Xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Bình Xa (bản chính).

- Bị đơn anh Sầm Văn N cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự:* Các đương sự đã chấp hành tốt các quy định pháp luật khi Tòa án báo gọi và tham gia phiên tòa.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Sầm Lương Gia B, sinh ngày 14/11/2014 cho chị Lương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Sầm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lương Thị N và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Sầm Văn N không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Lương Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Sầm Văn N nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Chị N cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Sầm Văn N là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Lương Thị N tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Chị N, báo gọi Chị N đến tham gia phiên tòa nhưng Chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Lương Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị N và anh Sầm Văn N được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014 tại UBND xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống Chị N và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau và không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Thực tế Chị N và anh N đã sống ly thân nhau và không quan tâm gì đến nhau nữa. Do vậy Chị N làm đơn xin ly hôn với anh N và tại phiên tòa anh N cũng nhất trí ly hôn với Chị N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và anh N đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị N và xử cho Chị N được ly hôn với anh Sầm Văn N theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị N và anh Sầm Văn N có 01 con chung là cháu Sầm Lương Gia B, sinh ngày 14/11/2014. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cháu Sầm Lương Gia B vẫn trực tiếp ở cùng Chị N và do Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ly hôn Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sầm Lương Gia B, đồng thời căn cứ vào ý kiến của cháu Sầm Lương Gia B có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là chị Lương Thị N; Tại phiên tòa anh N nhất trí để Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục Sầm Lương Gia B. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho chị Lương Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Sầm Lương Gia B; Anh Sầm Văn N được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Lương Thị N không yêu cầu anh Sầm Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do đó, Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Lương Thị N và anh Sầm Văn N cùng xác định vợ chồng không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Lương Thị N và anh Sầm Văn N cùng xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Sầm Văn N không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị N được ly hôn với anh Sầm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Sầm Lương Gia B, sinh ngày 14/11/2014 cho chị Lương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Sầm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lương Thị N và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

+ Nguyên đơn chị Lương Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002884, ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 16/12/2024), chị Lương Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Bị đơn anh Sầm Văn N không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Sầm Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Lương Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Bình Xa (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng